

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 26/2024/DS-ST

Ngày: 10/9/2024

*V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thê, Thư ký TAND huyện Cư Jút.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông
Lục Văn Đông, chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2024/TLST-DS, ngày 09/5/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-DS, ngày 06/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2024/QĐST-DS, ngày 22/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (Viết tắt: Ngân hàng Agribank).

Trụ sở: Số 02 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Toàn V- C/v: Tổng giám đốc Ngân hàng N

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Hữu T- C/v: Phó giám đốc Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đ. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Quang H và bà Phạm Thị H, cùng địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện C, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/04/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/09/2017, Ngân hàng N cho ông Vũ Quang H, bà Phạm Thị H vay số tiền 150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5308-LAV-201701315 ngày 13/09/2017, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 13/9/2017 đến ngày 10/9/2020. Tuy nhiên đến ngày 19/09/2019, ông Vũ Quang H và bà Phạm Thị H đã trả hết nợ. Ngày 20/09/2019, ông Vũ Quang H, bà Phạm Thị H tiếp tục vay vốn tại ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 5308-LAV-201701315 ngày 13/09/2017; Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 20/09/2019, số tiền vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, hạn trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 19/9/2021, lãi suất vay 12%/năm,

lãi suất quá hạn 150%, để sử dụng vào mục đích: Phục hồi tiêu; Kỳ hạn trả nợ lãi: 06 tháng một lần; Kỳ hạn trả nợ gốc 02 kỳ. Sau khi vay, ông H và bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được 28.500.000 đồng tiền gốc và 9.024.657 đồng tiền lãi. Đến ngày 19/09/2020, ông H và bà H đã vi phạm trả nợ gốc và nợ lãi đối với ngân hàng.

Khi vay ông H, bà H cam kết dùng tài sản để bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ vay vốn tại Ngân hàng là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số BX 927696 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 25/08/2015 thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 78, địa chỉ: xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H, bà H đưa Ngân hàng lưu giữ, hai bên không có đăng ký thế chấp. Do vậy, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết đối với Quyền sử dụng đất này.

Tính đến ngày 10/9/2024, ông Vũ Quang H và bà Phạm Thị H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/09/2024 là 237.927.091 đồng: Nợ gốc là 121.500.000 đồng; tổng nợ lãi 116.427.091 đồng, trong đó: lãi trong hạn 74.293.480 đồng, lãi quá hạn 26.626.192 đồng, lãi chậm trả 15.507.419 đồng. Ngân hàng N đã nhiều lần làm việc với ông H, bà H và có văn bản yêu cầu ông H, bà H trả nợ. Tuy nhiên, đến nay, ông H, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho ngân hàng, vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu ông H, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng N các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5308-LAV-201701315 ngày 13/09/2017; Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 20/09/2019 tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/09/2024 là 237.927.091 đồng: Nợ gốc là 121.500.000 đồng; tổng nợ lãi 116.427.091 đồng, trong đó: lãi trong hạn 74.293.480 đồng, lãi quá hạn 26.626.192 đồng, lãi chậm trả 15.507.419 đồng.

Kể từ ngày 11/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông H, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 5308-LAV-201701315 ngày 13/09/2017; Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 20/09/2019.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Vũ Quang H, bà Phạm Thị H, tuy nhiên tại phiên tòa ông H, bà H vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn ông Vũ Quang H, bà Phạm Thị H vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Vũ Quang H, bà Phạm Thị H thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/09/2024 là 237.927.091 đồng: Nợ gốc là 121.500.000 đồng; tổng nợ lãi 116.427.091 đồng, trong đó: lãi trong hạn 74.293.480 đồng, lãi quá hạn 26.626.192 đồng, lãi chậm trả 15.507.419 đồng.

Kể từ ngày 11/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông H, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 5308-LAV-201701315 ngày 13/09/2017; Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 20/09/2019.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Về án phí: Buộc ông Vũ Quang H, bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Vũ Quang H, bà Phạm Thị H có địa chỉ tại thôn N, xã E, huyện C trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, đây là tranh chấp về dân sự, quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của BLTTDS để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Do bị đơn vắng mặt nên tại phiên tòa ngày 22/08/2024 HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Như vậy, bị đơn tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về nội dung Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 5308-LAV-201701315 ngày 13/09/2017; Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 20/09/2019 đã xác định được Ngân hàng N cho ông Vũ Quang H, bà Phạm Thị H vay số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất vay là 12%/năm, mục đích vay phục hồi tiêu. Thời điểm trả hết nợ ngày 19/9/2021. Biện pháp bảo đảm cho khoản tiền vay: Không. Từ thời điểm vay đến nay, ông H và bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được 28.500.000 đồng tiền nợ gốc và 9.024.657 đồng tiền lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 5308-LAV-201701315 ngày 13/09/2017; Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 20/09/2019 thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng N và bên vay là ông H, bà H. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

[2.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả:

[2.2.1]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc:

Theo hợp đồng tín dụng số 5308-LAV-201701315 ngày 13/09/2017; Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 20/09/2019, thì ông H và bà H vay số tiền là 150.000.000 đồng. Ông bà đã thanh toán được 28.500.000 đồng tiền nợ gốc. Số nợ gốc còn lại là 121.500.000 đồng, khi đến hạn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng nhưng ông H, bà H không thực hiện nghĩa vụ của mình. Do vậy, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký kết là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[2.2.2]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi trong hạn:

Tại khoản 1 Điều 3 của hợp đồng tín dụng số 5308-LAV-201701315 ngày 13/09/2017 và Tại mục 7 phần II của Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 20/9/2019 thể hiện lãi suất là 12%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông H, bà H đã thanh toán được 9.024.657 đồng tiền lãi trong hạn. Tính đến ngày 10/9/2024 số tiền lãi trong hạn mà ông H, bà H còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 74.293.480 đồng.

[2.2.3]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi quá hạn:

Tại khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 5308-LAV-201701315 ngày 13/09/2017 và Tại mục 7 phần II của Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 20/9/2019 thể hiện mức lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận tại từng thời kỳ. Theo hợp đồng tín dụng thì ngày 19/9/2021 ông H, bà H phải thanh toán số nợ gốc, tuy nhiên ông bà không thực hiện nghĩa vụ của mình, vì vậy nguyên đơn chuyển số tiền nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng. Số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 10/9/2024 là 26.626.192 đồng.

[2.2.4]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm trả: Tại Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 20 tháng 09 năm 2019, các bên thỏa thuận lãi suất chậm trả là 10%/năm. Tuy nhiên ông bà không thực hiện nghĩa vụ của mình, vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tính đến ngày 10/9/2024 tiền lãi chậm trả 15.507.419 đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi trong hạn, tiền nợ lãi quá hạn, tiền nợ lãi chậm trả của Nguyên đơn đối với Bị đơn thể hiện cụ thể tại các bảng kê tính lãi được lập ngày 10/9/2024 là có cơ sở, đúng thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy ông Vũ Quang H, bà Phạm Thị H phải nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Hoàn trả Ngân hàng N số tiền 5.658.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà Ngân hàng N (Người nộp tiền Nguyễn Thành Trung) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút theo biên lai số 0005041, ngày 09/05/2024.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 235; Điều 147; Điều 155, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N

Buộc ông Vũ Quang H, bà Phạm Thị H thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/09/2024 là 237.927.091 đồng (*Hai trăm ba mươi bảy triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn không trăm chín mươi một đồng*): Nợ gốc là 121.500.000 đồng; tổng nợ lãi 116.427.091 đồng, trong đó: lãi trong hạn 74.293.480 đồng, lãi quá hạn 26.626.192 đồng, lãi chậm trả 15.507.419 đồng.

2. Kể từ ngày 11/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 5308-LAV-201701315 ngày 13/09/2017; Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 20/9/2019. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

3. Về án phí: Buộc ông Vũ Quang H, bà Phạm Thị H phải nộp 11.896.000 đồng (*Mười một triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút.

Hoàn trả Ngân hàng N số tiền 5.658.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà Ngân hàng N (Người nộp tiền Nguyễn Thành Trung) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút theo biên lai số 0005041, ngày 09/05/2024.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện. Cư Jút
- CC THADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nông Thị Hương

